



zhòng shāng

中 伤

verb · to slander; to defame

Example Sentence

Tā xǐ huān zài bèi hòu zhòng shāng bié rén

他喜欢在背后 中 伤 别人。

He likes to slander others behind their backs.

Trace each character, then write the word on your own.

中	中	中	中	中	中	中				
伤	伤	伤	伤	伤	伤	伤	伤	伤		